TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2024/HS-ST
Ngày: 03-12-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG - TỈNH VĨNH PHÚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Thông

2. Ông Phan Duy Lục

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường - tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Đặng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử công khai vụ án hình S sơ thẩm thụ lý số 122/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh ngày: 10/8/1998; Nơi ĐKHKTT: thôn P, xã K, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ, sinh năm 1976 và bà Chu Thị H, sinh năm 1980; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền S: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/8/2024 đến ngày 18/8/2024 được tại ngoại (có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Lê Văn B, sinh năm 1999; Trú tại: Thôn N, xã K, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

- Anh Lê Văn S, sinh năm 1997; Trú tại: Thôn P, xã K, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

- Anh Nguyễn Thế Q, sinh năm 1998; Trú tại: Thôn Hoàng Hạ, xã Kim Xá, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T không có giấy phép kinh doanh trong lĩnh vực cho vay, cấp tín dụng nhưng từ khoảng tháng 03/2022 đến ngày 12/8/2024, T đã cho anh Lê Văn S, sinh năm 1997, trú tại thôn P, xã K, huyện V, anh Nguyễn Thế Q, sinh năm 1998 trú tại thôn H, xã K, huyện V và anh Lê Văn B, sinh năm 1999, trú tại thôn N, xã K, huyện V vay tiền với lãi suất thỏa thuận đều là 5.000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày (tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,13 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân S quy định tại Điều 468 Bộ luật dân S 2015). Khi cho những người này vay tiền thì T đều không yêu cầu ai phải cầm cắm đồ vật, tài sản hoặc viết giấy tờ vay mượn, mua bán gì; các bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau về mức lãi suất và kỳ trả lãi; mỗi lần cho vay tiền T đều thu trước một kỳ tiền lãi là 10, 15, 20 hoặc 30 ngày tùy theo từng khoản vay; trường hợp người vay trả tiền gốc trước khi đến kỳ trả lãi tiếp theo thì tiền lãi vẫn tính đủ 1 kỳ và T sẽ không phải trả lại tiền lãi thừa cho người vay. Toàn bộ tên người vay, số tiền vay, lãi suất vay đều được T ghi chép vào 01 quyển sổ. Cụ thể quá trình giao dịch cho vay tiền giữa T với các anh S, Q, B như sau:

- *Đối với anh Lê Văn S:* T cho anh S vay tiền 06 lần. Quá trình giao dịch cho vay, trả gốc, lãi thì T sử dụng tài khoản ngân hàng số 0011004353894 mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) của T; còn anh S sử dụng tài khoản ngân hàng số 19036425151016 mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) và tài khoản ngân hàng số 105870741958 mở tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) của anh S, hoặc hai bên trực tiếp đưa tiền mặt cho nhau, cụ thể:

Lần 1: Ngày 04/3/2022, anh S đến nhà T vay T số tiền 5.000.000đ để làm ăn kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 04/3/2022 đến ngày 02/4/2022, tương đương với số tiền 750.000đ, kể từ ngày 03/4/2022 trở đi thì cứ 30 ngày anh S phải trả lãi 01 lần. Sau đó, T chuyển khoản cho anh S số tiền 4.250.000đ. Đến ngày 13/3/2022, anh S trả trực tiếp cho T 5.000.000đ tiền gốc.

Lần 2: Ngày 15/3/2022, anh S đến nhà T vay T số tiền 5.000.000đ để làm ăn kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 15/3/2022 đến ngày

13/4/2022, tương đương với số tiền 750.000đ, kể từ ngày 14/4/2022 trở đi thì cứ 30 ngày anh S phải trả lãi 01 lần. Sau đó, T chuyển khoản cho anh S số tiền 4.250.000đ.

- Ngày 06/4/2022, anh S chuyển khoản cho T số tiền 750.000đ để trả 30 ngày tiền lãi tính từ 14/4/2022 đến ngày 13/5/2022. Đến ngày 02/5/2022, anh S trả trực tiếp cho T 5.000.000đ tiền gốc.

Lần 3: Ngày 05/5/2022, anh S đến nhà T vay T số tiền 5.000.000đ để làm ăn kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 05/5/2022 đến ngày 03/6/2022, tương đương với số tiền 750.000đ, kể từ ngày 04/6/2022 trở đi thì cứ 30 ngày anh S phải trả lãi 01 lần. Sau đó, T chuyển khoản cho anh S số tiền 4.250.000đ.

Từ ngày 03/6/2022 đến ngày 19/3/2023 anh S đã 10 lần chuyển khoản và đưa tiền trực tiếp cho T để trả tiền lãi tính từ ngày 04/6/2022 đến ngày 30/3/2023 với tổng tiền 7.500.000đ và trả tiền nợ gốc số tiền 5.000.000đ.

Lần 4: Ngày 21/3/2023, anh S đến nhà T vay T số tiền 5.000.000đ để làm ăn kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 21/3/2023 đến ngày 19/4/2023, tương đương với số tiền 750.000đ, kể từ ngày 20/4/2023 trở đi thì cứ 30 ngày anh S phải trả lãi 01 lần. Sau đó, T chuyển khoản cho anh S số tiền 4.250.000đ.

Từ ngày 23/4/2024 đến ngày 12/7/2023 anh S đã 04 lần chuyển khoản cho T để trả tiền lãi tính từ ngày 20/4/2023 đến ngày 18/7/2023 với tổng số tiền 2.250.000đ và trả tiền nợ gốc số tiền 5.000.000đ.

Lần 5: Ngày 14/7/2023, anh S đến nhà T vay T số tiền 5.000.000đ để làm ăn kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 14/7/2023 đến ngày 12/8/2023, tương đương với số tiền 750.000đ, kể từ ngày 13/8/2023 trở đi thì cứ 30 ngày anh S phải trả lãi 01 lần. Sau đó, T chuyển khoản cho anh S số tiền 4.250.000đ.

Từ ngày 15/8/2023 đến ngày 10/5/2024, anh S đã 07 lần chuyển khoản cho T để trả tiền lãi tính từ ngày 13/8/2023 đến ngày 08/5/2024 tổng số tiền 6.750.000đ và trả tiền nợ gốc số tiền 5.000.000đ.

Lần 6: Ngày 23/5/2024, anh S đến nhà T vay T số tiền 5.000.000đ để làm ăn kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 14/7/2023 đến ngày 12/8/2023, tương đương với số tiền 750.000đ, kể từ ngày 13/8/2023 trở đi thì cứ 30 ngày anh S phải trả lãi 01 lần. Sau đó, T chuyển khoản cho anh S số tiền 4.250.000đ.

- Ngày 07/7/2024, anh S chuyển khoản cho T số tiền 750.000đ để trả 30 ngày tiền lãi tính từ ngày 22/6/2024 đến ngày 21/7/2024. Từ ngày 21/7/2024, anh S và T thống nhất sẽ không tính lãi nữa. Đến nay, anh S vẫn chưa trả 5.000.000đ tiền gốc cho T.

Tổng số tiền gốc T cho anh S vay trong 6 lần nêu trên là 30.000.000đ, lãi suất vay là 5.000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày (tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,13 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân S quy định tại Điều 468 Bộ luật dân S 2015). Anh S đã trả được cho T 25.000.000đ tiền gốc và còn nợ lại 5.000.000đ. Tổng số tiền lãi anh S đã trả cho T là 22.500.000đ, trong đó số tiền lãi tối đa T được hưởng theo quy định của pháp luật tương đương với mức lãi suất 20%/năm là 2.465.755đ, số tiền lãi T thu lời bất chính của anh S từ việc cho anh Sư vay tiền với lãi suất cao là **20.034.245đ.**

- *Đối với anh Nguyễn Thế Q:* T cho anh Q vay tiền 04 lần. Quá trình giao dịch cho vay, trả gốc, lãi thì T sử dụng tài khoản ngân hàng số 0011004353894 mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) của T; còn anh Q sử dụng tài khoản ngân hàng số 9520183822640 mở tại ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) của anh Q, cụ thể:

Lần 1: Ngày 07/4/2024, anh Q đến nhà T vay T số tiền 30.000.000đ để làm ăn kinh doanh. T thu lãi trước 10 ngày tính từ ngày 07/4/2024 đến ngày 16/4/2024 tương ứng với số tiền 1.500.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh Q số tiền 28.500.000đ. Ngày 17/4/2024, anh Q chuyển khoản cho T số tiền 30.000.000đ để trả cho T tiền gốc đã vay.

Lần 2: Ngày 12/5/2024, anh Q đến nhà T vay T số tiền 10.000.000đ để làm ăn kinh doanh. T thu lãi trước 20 ngày tính từ ngày 12/5/2024 đến ngày 31/5/2024 tương ứng với số tiền 1.000.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh Q số tiền 9.000.000đ. Ngày 01/6/2024, anh Q chuyển khoản cho T số tiền 10.000.000đ để trả cho T tiền gốc đã vay.

Lần 3: Ngày 08/6/2024, anh Q đến nhà T vay T số tiền 20.000.000đ để làm ăn kinh doanh. T thu lãi trước 15 ngày tính từ ngày 08/6/2024 đến ngày 22/6/2024 tương ứng với số tiền 1.500.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh Q số tiền 18.500.000đ.

Từ ngày 23/6/2024 đến ngày 08/8/2024, anh Q đã 04 lần chuyển khoản cho T để trả tiền lãi tính từ ngày 23/6/2024 đến ngày 16/8/2024 với tổng số tiền 5.500.000đ.

Lần 4: Ngày 01/7/2024, anh Q đến nhà T vay T số tiền 10.000.000đ để làm ăn kinh doanh. T thu lãi trước 20 ngày tính từ ngày 01/7/2024 đến ngày 20/7/2024 tương ứng với số tiền 1.000.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh Q số tiền 9.000.000đ.

Từ ngày 21/7/2024 đến ngày 11/9/2024 anh Q đã 02 lần chuyển khoản cho T để trả tiền lãi tính từ ngày 21/7/2024 đến ngày 29/8/2024 với tổng số tiền 2.000.000đ.

Ngày 11/9/2024, anh Q trả trực tiếp cho T số tiền 30.000.000đ tiền gốc mà anh Q vay của T lần 3 và lần 4 nêu trên.

Tổng số tiền gốc T cho anh Q vay trong 04 lần nêu trên là 70.000.000đ, lãi suất vay là 5.000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày (tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,13 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân S quy định tại Điều 468 Bộ luật dân S 2015). Anh Q đã trả cho T 70.000.000đ tiền gốc. Tổng số tiền lãi anh Q đã trả cho T là 12.500.000đ, trong đó số tiền lãi tối đa T được hưởng theo quy định của pháp luật tương đương với mức lãi suất 20%/năm là 1.369.863đ, số tiền lãi T thu lời bất chính của anh Q từ việc cho anh Q vay tiền với lãi suất cao là **11.130.137đ.**

- *Đối với anh Lê Văn B:* T cho anh B vay tiền 38 lần. Quá trình giao dịch cho vay, trả gốc, lãi thì T sử dụng tài khoản ngân hàng số 0011004353894 mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) của T; còn anh B sử dụng tài khoản số 106872687313 mở tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank), tài khoản số 107878974003 mở tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) và tài khoản số 1038870662 mở tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) của anh B, cụ thể:

Lần 1: Ngày 11/10/2022, anh B đến nhà T vay T số tiền 5.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 11/10/2022 đến ngày 09/11/2022, tương đương với số tiền 750.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 4.250.000đ. Đến ngày 15/10/2022, anh B chuyển khoản cho T số tiền 5.000.000đ để trả tiền gốc cho T.

Lần 2: Ngày 19/10/2022, anh B đến nhà T vay T số tiền 5.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 19/10/2022 đến ngày 17/11/2022, tương đương với số tiền 750.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 4.250.000đ.

- Ngày 19/11/2022, anh B chuyển khoản cho T số tiền 750.000đ để trả 30 ngày tiền lãi tính từ ngày 18/11/2022 đến ngày 17/12/2022.

Lần 3: Ngày 06/11/2022, anh B đến nhà T vay T số tiền 3.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 06/11/2022 đến ngày 05/12/2022, tương đương với số tiền 450.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 2.550.000đ.

- Ngày 06/12/2022, anh B chuyển khoản cho T số tiền 8.000.000đ để trả cho T tiền gốc 5.000.000đ của khoản vay lần 2 trên và 3.000.000đ tiền gốc 3.000.000đ của khoản vay lần 3.

Lần 4: Ngày 27/12/2022, anh B đến nhà T vay T số tiền 5.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 27/12/2022 đến ngày 25/01/2023, tương đương với số tiền 750.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 4.250.000đ. Đến ngày 06/01/2023, anh B chuyển khoản cho T số tiền 5.000.000đ để trả tiền gốc cho T.

Lần 5: Ngày 28/12/2022, anh B đến nhà T vay T số tiền 5.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 28/12/2022 đến ngày 26/01/2023, tương đương với số tiền 750.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 4.250.000đ.

- Ngày 27/01/2023, anh B chuyển khoản cho T số tiền 750.000đ để trả 30 ngày tiền lãi tính từ ngày 27/01/2023 đến ngày 25/02/2023. Đến ngày 28/01/2023, anh B trả trực tiếp cho T 5.000.000đ tiền gốc.

Lần 6: Ngày 07/01/2023, anh B đến nhà T vay T số tiền 5.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 07/01/2023 đến ngày 05/02/2023, tương đương với số tiền 750.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 4.250.000đ. Đến ngày 10/01/2023, anh B chuyển khoản cho T số tiền 5.000.000đ để trả tiền gốc cho T.

Lần 7: Ngày 15/01/2023, anh B đến nhà T vay T số tiền 5.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 15/01/2023 đến ngày 13/02/2023, tương đương với số tiền 750.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 4.250.000đ.

- Ngày 15/02/2023, anh B chuyển khoản cho T số tiền 750.000đ để trả 30 ngày tiền lãi tính từ ngày 14/02/2023 đến ngày 15/3/2023. Đến ngày 22/02/2023, anh B chuyển khoản cho T số tiền 5.000.000đ để trả tiền gốc cho T.

Lần 8: Ngày 08/02/2023, anh B đến nhà T vay T số tiền 5.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 08/02/2023 đến ngày 09/3/2023, tương đương với số tiền 750.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 4.250.000đ.

- Ngày 03/3/2023, anh B chuyển khoản cho T số tiền 750.000đ để trả 30 ngày tiền lãi tính từ ngày 10/03/2023 đến ngày 08/4/2023.

Lần 9: Ngày 22/02/2023, anh B đến nhà T vay T số tiền 5.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 22/02/2023 đến ngày 23/3/2023, tương đương với số tiền 750.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 4.250.000đ. Đến ngày 11/3/2023, anh B chuyển khoản cho T số tiền 5.000.000đ để trả tiền gốc cho T.

Lần 10: Ngày 12/3/2023, anh B đến nhà T vay T số tiền 5.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 12/3/2023 đến ngày 10/4/2023, tương đương với số tiền 750.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 4.250.000đ.

Lần 11: Ngày 20/3/2023, anh B đến nhà T vay T số tiền 10.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 20/3/2023 đến ngày 18/4/2023, tương đương với số tiền 1.500.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 8.500.000đ.

Ngày 24/3/2023, anh B chuyển khoản cho T số tiền 20.000.000đ để trả 5.000.000đ tiền gốc của khoản vay lần 8; 5.000.000đ tiền gốc của khoản vay lần 10 và 10.000.000đ tiền gốc của khoản vay lần 11.

Lần 12: Ngày 01/4/2023, anh B đến nhà T vay T số tiền 10.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 01/4/2023 đến ngày 30/4/2023, tương đương với số tiền 1.500.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 8.500.000đ. Cùng ngày 01/4/2023, anh B chuyển khoản cho T số tiền 9.000.000đ và đưa tiền mặt cho T số tiền 1.000.000đ để trả cho T 10.000.000đ tiền gốc.

Lần 13: Ngày 05/4/2023, anh B đến nhà T vay T số tiền 10.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 05/4/2023 đến ngày 04/5/2023, tương đương với số tiền 1.500.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 8.500.000đ.

Lần 14: Cùng ngày 05/4/2023, anh B đến nhà T vay T số tiền 5.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 05/4/2023 đến ngày 04/5/2023, tương đương với số tiền 750.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 4.250.000đ.

- Ngày 07/4/2023, anh B chuyển khoản cho T số tiền 15.000.000đ để trả 10.000.000đ tiền gốc của khoản vay lần 13 và 5.000.000đ tiền gốc của khoản vay lần 14.

Lần 15: Ngày 14/4/2023, anh B đến nhà T vay T số tiền 10.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 14/4/2023 đến ngày 13/5/2023, tương đương với số tiền 1.500.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 8.500.000đ.

Lần 16: Cùng ngày 14/4/2023, anh B đến nhà T vay T số tiền 5.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 14/4/2023 đến ngày 13/5/2023, tương đương với số tiền 750.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 4.250.000đ.

- Cùng ngày 14/4/2023, anh B chuyển khoản cho T số tiền 15.000.000đ để trả 10.000.000đ tiền gốc của khoản vay lần 15 và 5.000.000đ tiền gốc của khoản vay lần 16.

Lần 17: Cùng ngày 14/4/2023, anh B đến nhà T vay T số tiền 15.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 14/4/2023 đến ngày 13/5/2023, tương đương với số tiền 2.250.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 12.750.000đ. Đến ngày 15/4/2023, anh B chuyển khoản cho T số tiền 15.000.000đ để trả tiền gốc cho T.

Lần 18: Ngày 16/4/2023, anh B đến nhà T vay T số tiền 10.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 16/4/2023 đến ngày 15/5/2023, tương đương với số tiền 1.500.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 8.500.000đ. Đến ngày 01/5/2023, anh B chuyển khoản cho T số tiền 9.000.000đ và đưa tiền mặt cho T số tiền 1.000.000đ để trả cho T 10.000.000đ tiền gốc.

Lần 19: Ngày 17/4/2023, anh B đến nhà T vay T số tiền 5.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 17/4/2023 đến ngày 16/5/2023, tương đương với số tiền 750.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 4.250.000đ.

Lần 20: Ngày 24/4/2023, anh B đến nhà T vay T số tiền 5.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 24/4/2023 đến ngày 23/5/2023, tương đương với số tiền 750.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 4.250.000đ.

- Ngày 02/5/2023, anh B chuyển khoản cho T số tiền 10.000.000đ để trả 5.000.000đ tiền gốc của khoản vay lần 19 và 5.000.000đ tiền gốc của khoản vay lần 20.

Lần 21: Ngày 01/5/2023, anh B đến nhà T vay T số tiền 10.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 01/5/2023 đến

ngày 30/5/2023, tương đương với số tiền 1.500.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 8.500.000đ.

Lần 22: Ngày 02/5/2023, anh B đến nhà T vay T số tiền 10.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 02/5/2023 đến ngày 31/5/2023, tương đương với số tiền 1.500.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 8.500.000đ.

Cùng ngày 02/5/2023, anh B chuyển khoản cho T số tiền 19.000.000đ và đưa trực tiếp cho T số tiền 1.000.000đ để trả 10.000.000đ tiền gốc của khoản vay lần 21 và 10.000.000đ tiền gốc của khoản vay lần 22.

Lần 23: Ngày 03/5/2023, anh B đến nhà T vay T số tiền 15.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 03/5/2023 đến ngày 01/6/2023, tương đương với số tiền 2.250.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 12.750.000đ.

Lần 24: Cùng ngày 03/5/2023, anh B đến nhà T vay T số tiền 15.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 03/5/2023 đến ngày 01/6/2023, tương đương với số tiền 2.250.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 12.750.000đ.

Ngày 09/7/2023, anh B chuyển khoản cho T số tiền 34.000.000đ và trả trực tiếp cho T số tiền 1.550.000đ để trả 15.000.000đ tiền gốc của khoản vay lần 23 và 15.000.000đ tiền gốc của khoản vay lần 24; đồng thời trả 5.550.000đ tiền lãi của 02 khoản vay này tính từ ngày 02/6/2023 đến ngày 08/7/2023.

Lần 25: Ngày 23/9/2023, anh B đến nhà T vay T số tiền 5.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 23/9/2023 đến ngày 22/10/2023, tương đương với số tiền 750.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 4.250.000đ.

- Ngày 21/10/2023, anh B chuyển khoản cho T số tiền 750.000đ để trả 30 ngày tiền lãi tính từ ngày 23/10/2023 đến ngày 21/11/2023.

Lần 26: Ngày 30/10/2023, anh B đến nhà T vay T số tiền 2.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 30/10/2023 đến ngày 28/11/2023, tương đương với số tiền 300.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 1.700.000đ.

Ngày 09/11/2023, anh B chuyển khoản cho T số tiền 7.000.000đ cho T để trả 5.000.000đ tiền gốc của khoản vay lần 25 và 2.000.000đ tiền gốc của khoản vay lần 26.

Lần 27: Ngày 13/11/2023, anh B đến nhà T vay T số tiền 5.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 13/11/2023 đến ngày 12/12/2023, tương đương với số tiền 750.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 4.250.000đ.

Lần 28: Cùng ngày 13/11/2023, anh B đến nhà T vay T số tiền 3.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 13/11/2023 đến ngày 12/12/2023, tương đương với số tiền 450.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 2.250.000đ.

Lần 29: Ngày 19/11/2023, anh B đến nhà T vay T số tiền 2.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 19/11/2023 đến ngày 18/12/2023, tương đương với số tiền 300.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 1.700.000đ.

Lần 30: Ngày 29/11/2023, anh B đến nhà T vay T số tiền 2.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 29/11/2023 đến ngày 28/12/2023, tương đương với số tiền 300.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 1.700.000đ.

- Ngày 12/12/2023, anh B chuyển khoản số tiền 1.500.000đ cho T để trả 750.000đ tiền lãi 30 ngày của khoản vay lần 27 tính từ ngày 13/12/2023 đến ngày 11/01/2024 và 450.000đ tiền lãi 30 ngày của khoản vay lần 28 tính từ ngày 13/12/2023 đến ngày 11/01/2024. Ngoài ra, anh B trả T số tiền 300.000đ mà anh B vay nóng của T vài ngày trước đó (T không tính lãi xuất đối với khoản vay nóng này).

- Ngày 19/12/2023, anh B chuyển khoản số tiền 300.000đ cho T để trả 30 ngày tiền lãi của khoản vay lần 29 tính từ ngày 19/12/2023 đến ngày 17/01/2024.

- Ngày 31/12/2023, anh B chuyển khoản số tiền 300.000đ cho T để trả 30 ngày tiền lãi của khoản vay lần 30 tính từ ngày 29/12/2023 đến ngày 27/01/2024.

- Ngày 07/02/2024, anh B sử dụng tài khoản ngân hàng số 1038870662 chuyển số tiền 3.600.000đ cho T để trả 1.500.000đ tiền lãi 60 ngày của khoản vay lần 27 tính từ ngày 12/01/2024 đến ngày 11/3/2024; 900.000đ tiền lãi 60 ngày của khoản vay lần 28 tính từ ngày 12/01/2024 đến ngày 11/3/2024; 600.000đ tiền lãi 60 ngày của khoản vay lần 29 tính từ ngày 18/01/2024 đến ngày 17/03/2024 và 600.000đ tiền lãi 60 ngày của khoản vay lần lần 30 tính từ ngày 28/01/2024 đến ngày 27/03/2024.

- Ngày 26/02/2024, anh B chuyển khoản cho T số tiền 12.000.000đ để trả 5.000.000đ tiền gốc của khoản vay lần 27; 3.000.000đ tiền gốc của khoản vay lần 28; 2.000.000đ tiền gốc của khoản vay lần 29 và 2.000.000đ tiền gốc của khoản vay lần 30.

Lần 31: Ngày 07/3/2024, anh B đến nhà T vay T số tiền 10.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 07/3/2024 đến ngày 05/4/2023, tương đương với số tiền 1.500.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 8.500.000đ. Đến ngày 15/3/2024, anh B chuyển khoản cho T số tiền 10.000.000đ để trả tiền gốc cho T.

Lần 32: Ngày 22/3/2024, anh B đến nhà T vay T số tiền 10.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 22/3/2024 đến ngày 20/4/2024, tương đương với số tiền 1.500.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 8.500.000đ. Đến ngày 14/4/2024, anh B chuyển khoản cho T số tiền 10.000.000đ để trả tiền gốc cho T.

Lần 33: Ngày 17/4/2024, anh B đến nhà T vay T số tiền 10.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 17/4/2024 đến ngày 16/5/2024, tương đương với số tiền 1.500.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 8.500.000đ. Đến ngày 23/4/2024, anh B chuyển khoản cho T số tiền 10.000.000đ để trả tiền gốc cho T.

Lần 34: Ngày 27/4/2024, anh B đến nhà T vay T số tiền 10.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 27/4/2024 đến ngày 26/5/2024, tương đương với số tiền 1.500.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 8.500.000đ. Đến ngày 23/5/2024, anh B chuyển khoản cho T số tiền 10.000.000đ để trả tiền gốc cho T.

Lần 35: Ngày 31/5/2024, anh B đến nhà T vay T số tiền 10.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 31/5/2024 đến ngày 29/6/2024, tương đương với số tiền 1.500.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 8.500.000đ. Đến ngày 16/6/2024, anh B chuyển khoản cho T số tiền 10.000.000đ để trả tiền gốc cho T.

Lần 36: Ngày 16/6/2024, anh B đến nhà T vay T số tiền 10.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 16/6/2024 đến ngày 15/7/2024, tương đương với số tiền 1.500.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 8.500.000đ .

Lần 37: Cùng ngày 16/6/2024, anh B đến nhà T vay T số tiền 5.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 16/6/2024

đến ngày 15/7/2024, tương đương với số tiền 750.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 4.250.000đ.

Ngày 11/7/2024, anh B chuyển khoản cho T số tiền 15.000.000đ để trả 10.000.000đ tiền gốc của khoản vay lần 36 và 5.000.000đ tiền gốc của khoản vay lần 37.

Lần 38: Ngày 12/7/2024, anh B đến nhà T để hỏi vay T số tiền 15.000.000đ với mục đích làm ăn, kinh doanh. T thu lãi trước 30 ngày tính từ ngày 12/7/2024 đến ngày 10/8/2024, tương đương với số tiền 2.250.000đ. Sau đó, T chuyển khoản cho anh B số tiền 12.750.000đ.

Đến khoảng 09 giờ 00 phút ngày 12/8/2024, sau khi anh B đến nhà T trả trực tiếp cho T số tiền 2.250.000đ để trả 30 ngày tiền lãi tính từ ngày 11/8/2024 đến ngày 09/9/2024 thì Công an huyện Vĩnh Tường, sau khi nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc tại nhà ở của Trần Văn T ở thôn Phú Nông – xã Kim Xá đang có hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân S nên đã phối hợp cùng Công an xã Kim Xá đến kiểm tra, xác minh nguồn tin thì phát hiện T đang nhận 2.250.000đ. Lực lượng công an huyện Vĩnh Tường đã tiến hành lập biên bản S việc và thu giữ của T các vật chứng gồm:

+ Số tiền 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại iphone 11 Pro Max, màu xám, số IMEI 1: 353902107789786, số IMEI 2: 353902107697492, bên trong lắp 01 thẻ sim điện thoại có in hàng số 8984048000079285862 (sim điện thoại mang số thuê bao 0393.158.877), mật khẩu mở khóa màn hình 6886.

Căn cứ vào hành vi phạm tội của Trần Văn T, ngày 12/8/2024 Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Tường ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Văn T. Quá trình khám xét đã thu giữ trong ngăn kéo bàn máy tính kê ở trong phòng ngủ tầng 2 của nhà T 01 (một) quyển sổ ghi chép có bìa màu nâu, trên bìa có in dòng chữ Bhflex, bên trong sổ có ghi các chữ và số. Ngoài ra, không phát hiện thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài sản gì khác.

Như vậy, số tiền gốc T cho anh B vay 38 lần nêu trên là 282.000.000đ, lãi suất vay là 5.000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày (tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,13 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân S quy định tại Điều 468 Bộ luật dân S 2015). Anh B đã được trả cho T 267.000.000đ và còn nợ lại 15.000.000đ tiền gốc. Tổng số tiền lãi anh B đã trả cho T là 59.250.000đ, trong đó: số tiền lãi tối đa T được hưởng theo quy định

của pháp luật là 6.493.161đ tương đương với mức lãi suất 20%/năm, số tiền T thu lời bất chính từ việc cho anh B vay tiền với lãi suất cao là **52.756.839đ**.

Tổng số tiền T đã cho anh S, anh Q, anh B vay với tổng số 48 lượt vay là **382.000.000đ** (Ba trăm tám mươi hai triệu đồng). Lãi suất cho vay đều là 5.000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày (tương ứng với mức lãi suất 182.5%/năm, gấp 9,13 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân S quy định tại Điều 468 Bộ luật dân S 2015). Anh S, anh Q, anh B đã trả được cho T 362.000.000đ tiền gốc; anh S còn nợ T 5.000.000đ, anh B còn nợ T 15.000.000đ tiền gốc. Tổng số tiền lãi T thu được là **94.250.000đ**, trong đó: Số tiền lãi tối đa T được thu theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân S, tương đương với mức lãi suất 20%/năm là **10.328.779đ**; số tiền T thu lời bất chính là **83.921.221đ** *(Tám mươi ba triệu chín trăm hai mươi mốt nghìn hai trăm hai mươi mốt đồng)*.

Ngày 14/8/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Tường đã ra Yêu cầu cơ quan/tổ chức/cá nhân cung cấp chứng cứ, đồ vật, tài liệu, dữ liệu điện tử số 3577, yêu cầu Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)- Chi nhánh Vĩnh Phúc cung cấp:

- Thông tin về chủ tài khoản của tài khoản ngân hàng số 9520183822640.

- Cung cấp chi tiết chứng từ, báo có, báo nợ của tài khoản ngân hàng trên từ ngày 06/4/2024 đến hết ngày 12/8/2024.

Ngày 05/9/2024, Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)- Chi nhánh Vĩnh Phúc, đã có Công văn phúc đáp số 205/2024/MB. Theo đó xác định, chủ tài khoản số 9520183822640 là Nguyễn Thế Q đồng thời cung cấp sao kê giao dịch theo yêu cầu của Cơ quan điều tra.

Ngày 14/8/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Tường đã ra Yêu cầu cơ quan/tổ chức/cá nhân cung cấp chứng cứ, đồ vật, tài liệu, dữ liệu điện tử số 3578, yêu cầu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank)- Chi nhánh Bình Xuyên cung cấp:

- Thông tin về chủ tài khoản của các tài khoản ngân hàng số 106872687313, 107878974003, 105870741958.

- Cung cấp chi tiết chứng từ, báo có, báo nợ của 03 tài khoản ngân hàng trên từ ngày 01/3/2022 đến hết ngày 12/8/2024.

Ngày 19/8/2024, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank)- Chi nhánh Bình Xuyên đã có Công văn phúc đáp số 410/CV-CNBX-DVKH. Theo đó xác định, chủ tài khoản số 106872687313, 107878974003 là Lê Văn B,

chủ tài khoản ngân hàng số 105870741958 là Lê Văn S đồng thời cung cấp sao kê các giao dịch theo yêu cầu của Cơ quan điều tra.

Ngày 14/8/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Tường đã ra Yêu cầu cơ quan/tổ chức/cá nhân cung cấp chứng cứ, đồ vật, tài liệu, dữ liệu điện tử số 3579, yêu cầu Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)- Chi nhánh Vĩnh Phúc cung cấp:

- Thông tin về chủ tài khoản của tài khoản ngân hàng số 19036425151016.

- Cung cấp chi tiết chứng từ, báo có, báo nợ của tài khoản ngân hàng trên từ ngày 01/3/2022 đến hết ngày 12/8/2024.

Ngày 16/8/2024, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)- Chi nhánh Vĩnh Phúc có Công văn phúc đáp số 1137/TCB-VPC. Theo đó xác định, chủ tài khoản số 19036425151016 là anh Lê Văn S, đồng thời cung cấp sao kê các giao dịch theo yêu cầu của Cơ quan điều tra.

Ngày 14/8/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Tường đã ra Yêu cầu cơ quan/tổ chức/cá nhân cung cấp chứng cứ, đồ vật, tài liệu, dữ liệu điện tử số 3580, yêu cầu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietconbank)- Chi nhánh Vĩnh Phúc cung cấp:

- Thông tin về chủ tài khoản của các tài khoản ngân hàng số 0011004353894, 1038870662.

- Cung cấp chi tiết chứng từ, báo có, báo nợ của 02 tài khoản ngân hàng trên từ ngày 01/3/2022 đến hết ngày 12/8/2024.

Ngày 15/8/2024, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietconbank)- Chi nhánh Vĩnh Phúc có Công văn phúc đáp số 1093/VCBVP-KT. Theo đó xác định, chủ tài khoản số 0011004353894 là Trần Văn T, chủ tài khoản số 1038870662 là Lê Văn B, đồng thời cung cấp sao kê các giao dịch theo yêu cầu của Cơ quan điều tra.

Qua nghiên cứu nội dung các công văn phúc đáp do các ngân hàng nêu trên cung cấp thấy nội dung giao dịch giữa các tài khoản do các ngân hàng cung cấp phù hợp với các giao dịch giữa T và những người liên quan nêu trên.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số: 127/CT-VKS-VT ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị Trần

Văn T về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân S"* theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình S.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo: Trần Văn T phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân S"*.

- Hình phạt chính :

+ Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 BLHS xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo do bị cáo không có việc làm ổn định.

- Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 BLHS phạt tiền từ 50.000.000đ – 60.000.000đ để sung vào Ngân sách Nhà nước đối với Trần Văn T.

Về tang vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình S, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình S:

Tịch thu bán phát mại sung Ngân sách Nhà nước đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại iphone 11 Pro Max, màu xám của Trần Văn T, là phương tiện T sử dụng liên quan đến hành vi phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim mang số thuê bao 0393.158.877 của Trần Văn T.

Tịch thu sung Ngân sách nhà nước số tiền 246.575đ thu giữ của T.

Trả lại cho anh Lê Văn B số tiền 2.003.425đ nhưng cần tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Truy thu của T số tiền 372.082.204đ để sung vào Ngân sách Nhà nước theo quy định.

Truy thu của anh Lê Văn S số tiền 5.000.000đ và của anh Lê Văn B số tiền 15.000.000đ để sung vào Ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân S: Áp dụng khoản 2 Điều 47; Điều 48 BLHS: buộc T phải trả lại cho anh S 20.034.247đ, anh Q 11.130.137đ và trả lại cho anh B 50.753.414đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình S. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến kiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, nên có đủ căn cứ để chứng minh và kết luận:

Trần Văn T không có giấy phép kinh doanh trong lĩnh vực cho vay, cấp tín dụng. Tuy nhiên, từ tháng 3/2022 đến ngày 12/8/2024, bị cáo T đã cho anh Lê Văn S, anh Nguyễn Thế Q và anh Lê Văn B vay tổng số 382.000.000đ với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày (tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,13 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân S quy định tại Điều 468 Bộ luật dân S năm 2015). Tổng số tiền lãi T đã thu của anh S, anh Q và anh B là **94.250.000đ**, trong đó: Số tiền lãi tối đa T được thu theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân S, tương đương với mức lãi suất 20%/năm là **10.328.779đ**; số tiền T thu lời bất chính là **83.921.221đ**.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân S" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình S. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình S như sau:

"1) Người nào trong giao dịch dân S mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân S, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm."

[3] Xét tính chất vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân

dân ảnh hưởng tới tình hình an ninh chính trị tại địa phương. Do vậy cần xử phạt nghiêm đối với bị cáo để giáo dục riêng và phòng chống tội phạm nói chung.

[4]. Xét nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình S thấy rằng:

Bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền S, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình S, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình S quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình S. Bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét áp dụng Điều 36 Bộ luật hình S, cho bị cáo được hưởng mức án cải tạo không giam giữ cũng đủ điều kiện cải tạo các bị cáo thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Ngoài ra, do bị cáo làm nghề tự do thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo để sung Ngân sách Nhà nước.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình S quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng…."*. Để giữ nghiêm pháp luật cần phạt tiền đối với bị cáo 50.000.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

[6] Về trách nhiệm dân S:

Đối với số tiền 83.921.221đ là tiền T thu lời bất chính của anh Lê Văn S, anh Nguyễn Thế Q và anh Lê Văn B (trong đó: T thu lời bất chính của anh B 52.756.839đ; anh S 20.034.247đ và anh Q 11.130.137đ). Quá trình điều tra xác định các số tiền mà anh S, anh Q và anh B đã trả cho T đều là tiền do lao động hợp pháp mà có. Cơ quan điều tra đã tạm giữ của T số tiền 2.003.425đ là một phần tiền T thu lời bất chính của anh B. Do vậy, cần buộc T phải trả lại cho anh S 20.034.247đ, anh Q 11.130.137đ và trả lại cho anh B 50.753.414đ.

[7]. Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại iphone 11 Pro Max, màu xám, bên trong lắp sim thuê bao 0393.158.877 là tài sản hợp pháp của T, T sử dụng chiếc điện thoại và sim thuê bao này để liên lạc với khách vay trước khi cho họ vay tiền, đôn đốc khách trả tiền gốc, tiền lãi cho T và sử dụng để chuyển khoản tiền vay cho khách, nhận chuyển khoản khách trả. Do vậy, tịch thu bán phát mại sung vào Ngân sách Nhà nước đối với chiếc điện thoại di động và tịch thu tiêu hủy đối với chiếc sim thuê bao do không có giá trị sử dụng.

Đối với 01 (một) quyển sổ ghi chép có bìa màu nâu, trên bìa có in dòng chữ Bhflex, bên trong sổ có ghi các chữ và số, T sử dụng quyển sổ này để ghi chép, theo dõi việc cho khách vay tiền, thu tiền gốc, tiền lãi do khách trả, đây là tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của T nên được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với số tiền 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền lãi anh B trả cho T từ ngày 11/8/2024 đến ngày 09/9/2024 khi vay số tiền 15.000.000đ của T ngày 12/7/2024. Trong số tiền này có 246.575đ là tiền lãi T được thu theo quy định của pháp luật, tương đương với mức lãi suất 20%/năm; còn lại 2.003.425đ là tiền T thu lời bất chính của anh B từ việc cho anh B vay tiền với lãi suất cao, trái quy định của pháp luật. Do vậy, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 246.575đ và trả lại cho anh B số tiền 2.003.425đ nhưng cần tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Đối với số tiền 362.000.000đ Trần Văn T sử dụng để cho anh S, anh Q và anh B vay với lãi suất cao, trái quy định của pháp luật, sau đó anh S, anh Q và anh B đã trả lại cho T số tiền này, đây là tiền T sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Hiện T chưa giao nộp lại cho cơ quan điều tra số tiền này nên cần truy thu của T số tiền 362.000.000đ để sung vào Ngân sách Nhà nước theo quy định.

Đối với số tiền 10.328.779đ là tiền lãi theo quy định của pháp luật, tương ứng với mức lãi suất 20%/năm mà T đã thu được khi cho anh S, anh Q và anh B vay tiền với lãi suất cao, khoản tiền này được xác định là tiền do T phạm tội mà có. Cơ quan điều tra đã tạm giữ của T 246.575đ, còn lại số tiền 10.082.204đ T chưa giao nộp lại cho Cơ quan điều tra. Do vậy, cần phải truy thu của T số tiền 10.082.204đ này để sung vào Ngân sách Nhà nước theo quy định.

Đối với số tiền 20.000.000đ anh Lê Văn S và anh Lê Văn B còn nợ của Trần Văn T (trong đó, anh S nợ 5.000.000đ, anh B nợ 15.000.000đ) là tiền của T cho anh S, anh B vay với lãi suất cao để thu lời bất chính. Quá trình điều tra các anh S, B chưa giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền này. Do vậy, cần truy thu của anh S 5.000.000đ, truy thu của anh B 15.000.000đ để sung vào Ngân sách nhà nước.

[8] Về án phí hình S sơ thẩm: bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân S".

1. Hình phạt chính:

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình S.

Xử phạt: Trần Văn T 01 năm 09 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình S Công an huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân xã Kim Xá, huyện Vĩnh Tường tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo T có trách nhiệm phối hợp với Uỷ ban nhân dân xã Kim Xá trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo T.

2. Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình S: Phạt bị cáo Trần Văn T 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước.

3. Trách nhiệm dân S: Căn cứ khoản 2 Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình S; Điều 357 Bộ luật dân S:

Buộc T phải trả lại cho anh S 20.034.247đ, anh Q 11.130.137đ và trả lại cho anh B 50.753.414đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp, anh S, anh Q, anh B có đơn đề nghị thi hành án nếu Trần Văn T không thanh toán khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền trậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân S năm 2015, tương ứng với số tiền chậm trả ở thời điểm thanh toán.

4. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình S; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình S.

- Tịch thu bán phát mại sung vào Ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại iphone 11 Pro Max, màu xám của Trần Văn T.

- Tịch thu tiêu hủy sim thuê bao 0393.158.877 của Trần Văn T.

- Lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 (một) quyển sổ ghi chép có bìa màu nâu, trên bìa có in dòng chữ Bhflex, bên trong sổ có ghi các chữ và số, T sử dụng

quyển sổ này để ghi chép, theo dõi việc cho khách vay tiền, thu tiền gốc, tiền lãi do khách trả.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 246.575đ thu giữ của Trần Văn T và trả lại cho anh B số tiền 2.003.425đ nhưng cần tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

- Truy thu của T số tiền 372.082.264đ để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Truy thu của anh S 5.000.000đ, truy thu của anh B 15.000.000đ (là tiền của T cho anh S, anh B vay với lãi suất cao để thu lời bất chính) để sung vào Ngân sách nhà nước

(Vật chứng có đặc điểm như Biên bản về việc giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Vĩnh Tường với Chi cục Thi hành án dân S huyện Vĩnh Tường).

5. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trần văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình S sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;*
- *VKSND huyện Vĩnh Tường;*
- *Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;*
- *Công an huyện Vĩnh Tường;*
- *Bị cáo;*
- *Người có QLNVLQ;*
- *UBND xã Kim Xá;*
- *Lưu VP, HSVA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hồng Giang